

## NGHIÊN CỨU QUAN HỆ DÂN TỘC XUYÊN QUỐC GIA: CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

VƯƠNG XUÂN TÌNH  
TRẦN MINH HẰNG  
VŨ ĐÌNH MỜI  
NGUYỄN CÔNG THẢO

Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia (Transnational Ethnic Relation) (QHDTXQG) là mối quan hệ của một tộc người với đồng tộc hoặc khác tộc ở quốc gia khác. Mối quan hệ này vốn diễn ra từ lâu trong lịch sử. Ở phạm vi hẹp, đó có thể là quan hệ dân tộc xuyên biên giới (Cross-Border Ethnic Relation) (QHDTXBG), tức quan hệ đồng tộc và khác tộc với quốc gia có chung đường biên<sup>1</sup>. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự tác động của giao thông hiện đại, thông tin và truyền thông, mối quan hệ ấy càng được thúc đẩy mạnh mẽ, không chỉ với quốc gia có chung đường biên, mà còn ở những quốc gia khác.

Với một đất nước, nhất là đất nước đa dân tộc, QHDTXQG có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của nước đó. Đặc biệt, những bất ổn liên quan đến QHDTXQG của một số nước ở vùng Bancăng, Trung Á, Nam Á và Đông Nam Á hiện nay còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến xung đột dân tộc và xung đột nhà nước. Ngay mô hình biên giới mở của

EU là cơ hội tốt cho QHDTXQG, khiến năng động trong phát triển song cũng dung chứa hoạt động khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia.

Ở Việt Nam, do tác động của yếu tố lịch sử, quan hệ quốc tế, toàn cầu hóa và khu vực hóa, của đường lối Đổi mới của Việt Nam, QHDTXQG rất phát triển, nhất là từ sau năm 1975 đến nay. Mối quan hệ đó được biểu hiện trên nhiều lĩnh vực, kể từ chính trị, kinh tế, xã hội đến văn hóa; và ngoài tộc người Kinh (Việt), còn diễn ra ở nhiều tộc người thiểu số. Mối quan hệ ấy không chỉ bó hẹp trong QHDTXBG với ba quốc gia có chung đường biên với Việt Nam là Trung Quốc, Lào và Campuchia, mà còn với cả nhiều nước khác không chung biên giới, như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Australia, Nga, Đức, Pháp, Canada, Mỹ...

Nghiên cứu về QHDTXQG đã được nhiều nước thực hiện, song ở Việt Nam, do các nguyên nhân khác nhau, nên việc nghiên cứu này vẫn còn hạn chế. Vừa qua, trong thời gian 2013-2014, được sự phê duyệt của lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học đã triển khai ba đề tài nghiên cứu cấp bộ về QHDTXQG ở

<sup>1</sup> Trong bài viết này, tùy từng văn cảnh, chúng tôi sẽ sử dụng thuật ngữ QHDTXQG hay QHDTXBG. Tuy nhiên, quan điểm thống nhất là QHDTXBG có nội hàm hẹp hơn QHDTXQG và thuộc QHDTXQG.

ba vùng: Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, trong đó có liên quan đến vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, và Việt Nam - Campuchia (xem Bản đồ 1)<sup>2</sup>. Tại mỗi vùng nêu trên, đề tài cũng chỉ tập trung xem xét QHDTXQG của một số dân tộc. Ở vùng miền núi phía Bắc, các dân tộc được quan tâm là Tày, Nùng, Hà Nhì, Hmông, Thái, Lào; vùng Tây Nguyên -

các dân tộc Ê-đê, Gia-rai, Mnông, Giê-Triêng; còn vùng Nam Bộ - gồm các tộc người Khơ-me, Hoa và Chăm. Để nghiên cứu có hiệu quả, các đề tài đã phối hợp nhằm cùng xây dựng cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và khung phân tích, làm nền tảng cho triển khai nghiên cứu. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ giới thiệu nội dung cơ bản của những vấn đề đó.

Bản đồ 1. Địa bàn nghiên cứu của ba đề tài



<sup>2</sup> Đó là các đề tài: “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc”, do TS. Lý Hành Sơn và TS. Trần Mai Lan là đồng chủ nhiệm; “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người tại chỗ vùng Tây Nguyên”, do TS. Trần Minh Hằng và Ths. Nguyễn Công Thảo là đồng chủ nhiệm; và “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng Nam Bộ”, do PGS. TS. Vương Xuân Tinh và Ths. Vũ Đình Mười là đồng chủ nhiệm.

## 1. Nghiên cứu quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam và trên thế giới

Quan hệ dân tộc là vấn đề lớn trong học thuật cũng như trong thực tiễn ở nước ta, thu hút sự quan tâm của nhiều ngành khoa học xã hội, nhất là ngành Dân tộc học/Nhân học. Tuy nhiên, trước đây khái niệm “quan hệ dân tộc” vẫn chưa được luận giải rõ ràng trong nghiên cứu cũng như trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước. Việc làm rõ khái niệm quan hệ dân tộc ở nước ta, phải kể tới vai trò của các nhà dân tộc học Việt Nam. Thực ra trước những năm 2000, chưa có định nghĩa rõ ràng thế nào là quan hệ dân tộc, và nó được hiểu là quan hệ giữa các nhóm trong một dân tộc hay giữa các dân tộc trong cùng một khu vực, thể hiện chủ yếu về phương diện ngôn ngữ và văn hóa; hoặc gắn với quá trình tộc người (Nguyễn Văn Huy, 1983; Phan Hữu Dật, 1998, tr. 624-644; 2004, tr. 704-762; Vương Xuân Tình và Nguyễn Văn Minh, 2009, tr. 23-24). Khái niệm quan hệ dân tộc hiện nay ở nước ta gần đây đã được hoàn thiện hơn, về cơ bản đã bao hàm và phản ánh được thực trạng của các mối quan hệ tộc người đang diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở các nghiên cứu gần đây, có thể khái quát quan hệ dân tộc bao gồm những mối quan hệ cụ thể như sau: (1) Quan hệ trong nội bộ tộc người; (2) Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số với nhau; (3) Quan hệ giữa dân tộc thiểu số với dân tộc đa số (người Việt); (4) Quan hệ tộc người xuyên quốc gia; và (5) Quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc (Vương Xuân Tình, 2014, tr. 7-21). Các quan hệ này được biểu hiện ở nhiều lĩnh vực, từ nguồn gốc, ngôn ngữ, văn hóa, hôn nhân, dòng họ, kinh tế đến chính trị...

Nhìn chung, việc đề cập, nhất là vận dụng lý thuyết về quan hệ dân tộc trong các nghiên cứu ở nước ta trước đây còn rất hạn chế. Một số tác giả như Bế Viết Đăng (1988, tr. 3-15), Nguyễn Văn Huy (1983) đã đưa ra quan điểm về sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc ở nước ta. Thực ra, quan điểm này liên quan đến các lý thuyết về quá trình tộc người của các học giả Xô-viết, đang khá thịnh hành ở Liên Xô (cũ) khi đó [Bromley (Chủ biên), 1973]. Phan Hữu Dật và cộng sự (2001, tr. 11-101) cũng đi qua một số lý thuyết của phương Tây, như thuyết xung đột, thuyết khuếch tán, thuyết trung tâm và ngoại vi, nhưng chủ yếu mang tính phê phán (Vương Xuân Tình, 2014, tr. 7-21).

Từ sau Đổi mới, nhất là sau biến cố sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu (cũ), với xung đột dân tộc nổi lên tại nhiều nơi trên thế giới, nghiên cứu về quan hệ dân tộc ở nước ta ngày càng được chú trọng hơn. Ngoài những công trình nghiên cứu nêu trên, phải kể tới một số nghiên cứu khác về quan hệ dân tộc ở các vùng và tộc người<sup>3</sup>. Trong khi việc nghiên cứu quan hệ dân tộc nói chung ở nước ta được chú trọng thì việc nghiên cứu QHDTXQG lại chưa được chú ý một cách thỏa đáng. Có rất ít công trình chuyên khảo về vấn đề này, và nếu có, chủ yếu là những nghiên cứu liên quan đến QHDTXBG với nước láng giềng dưới các góc độ như: Lịch sử tộc người [Bế Viết Đăng và cộng sự, 1971; Cẩm Trọng, 1978;

<sup>3</sup> Như ở Tây Nguyên (Trương Minh Dục, 2005); vùng biên giới Việt - Lào (Lý Hành Sơn, 2008); người Lô Lô, người Hà Nhi ở vùng biên giới Việt - Trung (Phạm Đăng Hiến, 2009; Vương Xuân Tình, 2011); người Hmông ở vùng biên giới Việt - Lào (Phạm Quang Hoan, 2011).

Phạm Quang Hoan và Hùng Đình Quý (Chủ biên), 1999; Nguyễn Chí Huyền (Chủ biên), 2000], quan hệ văn hóa (Chu Thái Sơn, 1987; Lý Hành Sơn, 2008; Đậu Tuấn Nam, 2009; Phú Văn Hãn, 2009; Nguyễn Văn Thắng, 2010; Vương Xuân Tình, 2012), di cư và lao động (Phạm Đăng Hiến, 2008; Bảo tàng Dân tộc học, 2009; Bùi Xuân Đỉnh, 2010), hôn nhân và quan hệ dòng họ (Phan An và cộng sự, 2007; Vương Xuân Tình, 2012), các vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội (Bùi Xuân Đỉnh và Nguyễn Ngọc Thanh, 2013)... Trong các nghiên cứu này, những công trình liên quan đến QHDTXBG Việt - Trung chiếm số lượng chủ yếu. Nghiên cứu của các học giả nước ngoài về QHDTXQG của Việt Nam cũng được quan tâm, song thường ghép trong vấn đề lịch sử và cũng chưa mấy sâu sắc bởi thiếu cứ liệu về tộc người (Li Tana, 1999; Keyes, 1999). Ngoài ra, cũng có một số nghiên cứu về cách thức quản lý vùng biên giới thời nhà Nguyễn (Poisson, 2009; Davis, 2009). Gần đây, Philip Taylor (2008, tr. 18-23) cho rằng có 6 dân tộc, nhóm tôn giáo ở Việt Nam có mối QHDTXQG mạnh nhất, đó là người Khor-me, Thái, Chăm, Hmông, Hoa, và những người theo Tin Lành Đê ga ở Tây Nguyên. Với nghiên cứu QHDTXQG ở nước ngoài, từ sau những năm 1990, những công trình của các học giả hàng đầu về biên giới và vùng biên như Robert Alvaes, Hastings Donnan, Josiad Heyman và Thomas Wilson không chỉ quan tâm đến khía cạnh sinh thái chính trị về biên giới địa lý chính thống mà còn cả các vấn đề về biên giới văn hóa tiềm ẩn ở các cộng đồng khu vực biên giới; xem xét mối quan hệ giữa biên giới địa lý và biên giới văn hóa (Kearney, 2004). Trong đó, những vấn đề

như văn hóa, di dân, hôn nhân, lao động... đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu.

Theo Clad (2008, tr. 4-5) biên giới giữa các nhà nước ở khu vực ở Đông Nam Á, trừ Thái Lan, hầu hết được thiết lập bằng thỏa thuận của các thế lực thực dân, và hiện nay nó vẫn được coi là cơ sở cơ bản trong đàm phán và xác lập biên giới giữa các nhà nước trong khu vực. Mặc dù các đường biên này dựa trên một vài lô-gic về địa lý, theo địa hình học và đường biển, nhưng chúng cũng chia cắt các tộc người, làng bản, sông ngòi và các thung lũng. Như vậy, thực trạng này cũng tiềm ẩn nhiều bất ổn. Khi nhìn nhận vấn đề dân tộc xuyên quốc gia ở Đông Nam Á, gần đây xuất hiện xu hướng xem xét vùng núi của nơi này và Nam Trung Quốc như một khu vực “phi nhà nước” (non-state space) trong lịch sử, mà họ gọi là “Zomia” (Van Schendel, 2000). Các cư dân khu vực này có xu hướng thiên về cố kết tộc người thay vì hội nhập vào quốc gia dân tộc mà mình đang sinh sống (Scott, 2009).

Ở Trung Quốc, nghiên cứu về vấn đề dân tộc xuyên quốc gia rất được quan tâm và dường như đang tăng lên đáng kể từ giữa thập kỷ 90, bởi gắn liền với chiến lược phát triển của nước này theo học thuyết quyền lực mềm và biên giới mềm (Thôi Húc Thần, 1992). Các nghiên cứu này tập trung vào các vấn đề như lịch sử tộc người, phân bố, thiên di, kinh tế xã hội, văn hóa, tập quán của các dân tộc khu vực biên giới, đặc điểm cơ bản của quan hệ dân tộc xuyên biên giới, các tộc người có quan hệ xuyên biên giới và tác động của các chương trình “Hùng biên, phú dân” [Liu Ya và Shen Dan (Chủ biên), 1988;

Jin Chun Zi và Wang Jian Min, 1994; Zhao Ting Guang và Zhao Ting Guang (Chủ biên), 1998; Ngọc Thời Giai, 2008; Ngô Khắc Sở, 2010; Chu Kiến Tân, 2010). Tổng quan trên đây cho thấy, nghiên cứu QHDTXQG rất phát triển ở phương Tây và một số nước thuộc khu vực châu Á. Các nghiên cứu này, đặc biệt là nghiên cứu của các nước lớn thường phục vụ cho chính sách phát triển của họ, và Trung Quốc là một ví dụ. Trong khi đó ở nước ta, việc nghiên cứu QHDTXQG còn mờ nhạt, chủ yếu tập trung vào QHDTXBG ở khu vực biên giới Việt - Trung, và đặc biệt, việc vận dụng lý thuyết vào nghiên cứu hầu như thiếu vắng.

## 2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cách tiếp cận

Trong vài thập kỷ trở lại đây, có nghiên cứu về QHDTXQG đã chỉ ra rằng, mối quan hệ này bị chi phối mạnh bởi chính sách của nhà nước, lịch sử tộc người, cũng như các điều kiện kinh tế, xã hội khác và đồng thời nó cũng có tác động đa chiều ngược trở lại với khu vực biên giới hay cộng đồng tham gia vào mối quan hệ đó. Sở dĩ vậy bởi biên giới không chỉ đơn thuần là ranh giới chính trị mà còn là không gian, đường định ranh cho bản sắc văn hóa, bản sắc tộc người giữa các quốc gia (Newman và Paasi, 1998). Chính vì thế, các nghiên cứu xuyên biên giới cần phải phân biệt được ranh giới tự nhiên và phi tự nhiên của nó và để làm được điều này cần tìm hiểu nội hàm của khái niệm biên giới trong nhận thức của chính người dân tại chỗ (Houtum, 2000). Trong phạm vi châu Á, qua nghiên cứu mối quan hệ tộc người xuyên biên giới ở Trung

Quốc, có học giả đã tổng kết mối quan hệ này thường biểu hiện qua 1 trong 7 hình thức sau: *thân duyên* (quan hệ thân tộc, bạn bè); *địa duyên* (quan hệ láng giềng); *nghiệp duyên* (quan hệ nghề nghiệp); *vật duyên* (quan hệ làm ăn, buôn bán); *thần duyên* (quan hệ tôn giáo, tín ngưỡng); *ngữ duyên* (quan hệ ngôn ngữ); *chính duyên* (quan hệ chính trị) (Hoàng Quang Thành, 2007).

Trên cơ sở tham khảo cách nhìn nhận của các học giả quốc tế, và căn cứ vào bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội của Việt Nam, chúng tôi đã đề xuất cách tiếp cận trong nghiên cứu QHDTXQG như sau:

- *Tiếp cận tổng thể*: Quan hệ dân tộc chịu tác động của rất nhiều yếu tố như lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa cả ở trong và ngoài nước, đồng thời cũng tác động sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội và chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Bởi vậy, nghiên cứu QHDTXQG của các tộc người cần được tiếp cận tổng thể trên nhiều khía cạnh và có sự so sánh với một số nước trong khu vực và trên thế giới.

- *Tiếp cận vùng*: Tính đặc thù của vùng địa lý cảnh quan, vùng kinh tế - xã hội có ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ dân tộc. Hệ đề tài cấp Bộ về QHDTXQG do Viện Dân tộc học chủ trì được thực hiện ở cả ba vùng biên giới trọng điểm của Việt Nam, liên quan đến ba vùng chiến lược là Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Do đó, trong nghiên cứu và phân tích cần có tiếp cận vùng và so sánh với các vùng khác để nhận diện rõ hơn những đặc điểm của QHDTXQG và từ đó có những chính sách phù hợp với thực tiễn từng vùng.

- *Tiếp cận phát triển bền vững*: Phát triển toàn diện, bền vững của mỗi dân tộc là

nền tảng và tạo điều kiện cho sự phát triển của vùng và quốc gia. Nghiên cứu QHDTXQG cần gắn với các mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng của vùng và đất nước. Nghiên cứu trên cơ sở tiếp cận phát triển bền vững sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa; vừa thúc đẩy hội nhập khu vực và quốc tế, vừa đảm bảo sự ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và quan hệ quốc tế.

- *Tiếp cận chuyên ngành kết hợp với liên ngành*: QHDTXQG liên quan đến nhiều lĩnh vực, do vậy cần được tiếp cận không chỉ từ góc nhìn dân tộc học/nhân học, mà còn kết hợp với góc nhìn của xã hội học, văn hóa học, kinh tế học, khoa học chính trị và một số khoa học liên quan khác.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thực hiện nghiên cứu QHDTXQG ở ba vùng miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, mục tiêu cơ bản của các đề tài nghiên cứu là: (1) Nhận diện thực trạng của QHDTXQG; (2) Xem xét những tác động tích cực và tiêu cực của QHDTXQG đến phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; và (3) Xây dựng cơ sở khoa học cho chính sách phát triển và quản lý có hiệu quả QHDTXQG.

Để đạt được những mục tiêu trên, các đề tài đều áp dụng cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, với các công cụ chính là: bảng hỏi (questionnaire); các hướng dẫn phỏng vấn sâu (indepth interview), thảo luận nhóm (focus group discussion), ghi chép quan sát (observation note); bảng thu thập thông tin và số liệu thống kê sẵn có (data collection form).

- *Nghiên cứu định lượng*: Mục đích của nghiên cứu định lượng là nhằm thu thập

các thông tin về mối liên quan giữa QHDTXQG với các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng ở các cấp độ cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng làng bản hoặc tổ chức khác. Để thực hiện phương pháp này, nhóm nghiên cứu đã thảo luận về các biến số và nội dung để thiết kế bảng hỏi chung cho cả ba vùng nghiên cứu. Tuy nhiên, mỗi nghiên cứu có thể đưa thêm những nội dung thích hợp với địa bàn nghiên cứu cụ thể. Bảng hỏi chung của ba đề tài, ngoài thông tin chung về hộ gia đình và cá nhân, gồm có 41 câu hỏi, liên quan đến QHDTXQG thuộc các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa. Mẫu lựa chọn là phải đảm bảo từ 25% trở lên số người đại diện cho hộ gia đình lựa chọn tại mỗi cộng đồng được nghiên cứu.

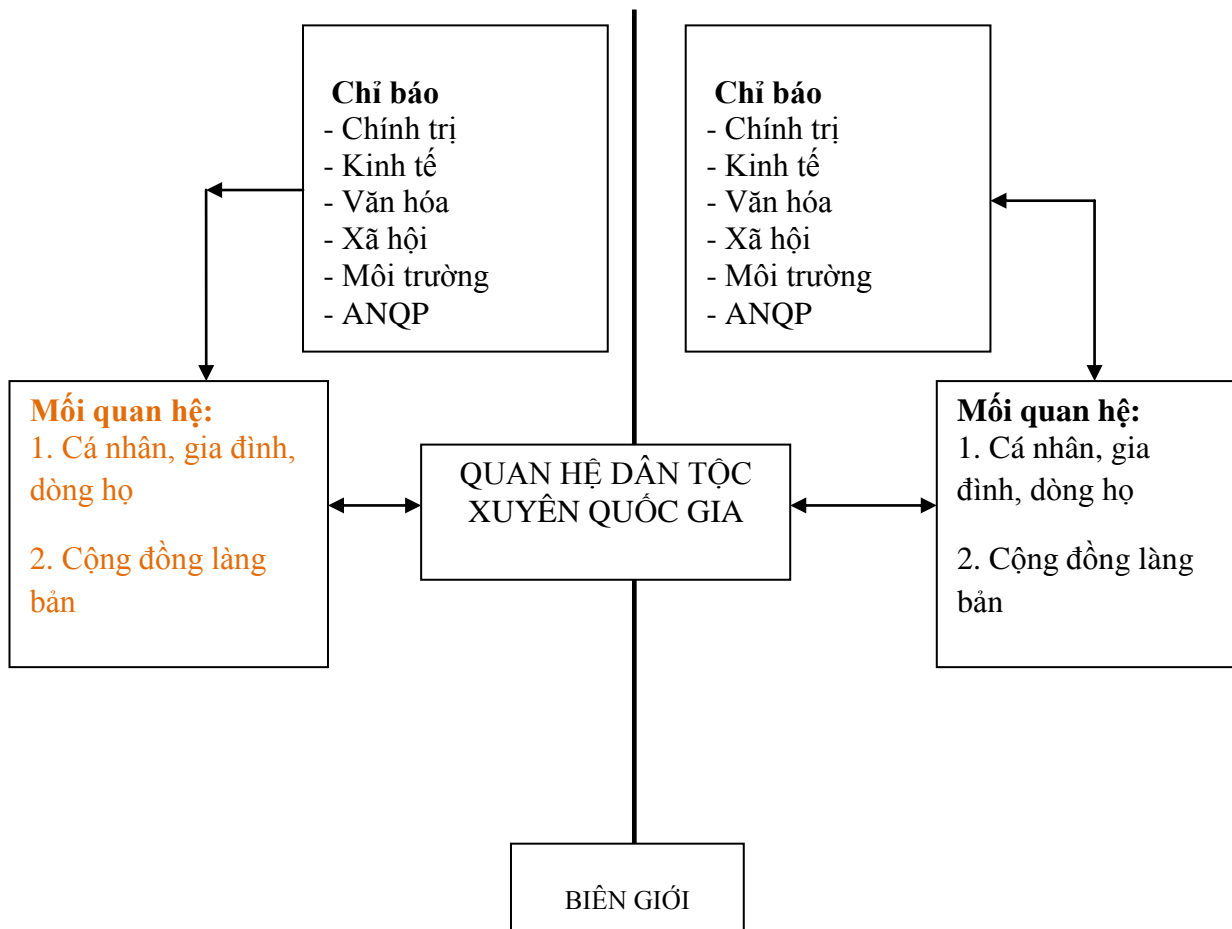
- *Nghiên cứu định tính*: Mục đích của nghiên cứu định tính là giải thích mối liên quan giữa các biến số phát hiện trong kết quả nghiên cứu định lượng; tìm hiểu sâu và mô tả chi tiết hiện tượng và trải nghiệm của cá nhân, cộng đồng đối với QHDTXQG. Do sự phức tạp và nhạy cảm của vấn đề QHDTXQG nên phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng như một phương pháp chủ đạo. Việc áp dụng nhiều công cụ nghiên cứu định tính cho phép cung cấp thông tin chi tiết về QHDTXQG - thường được xem là vấn đề nhạy cảm, khó nghiên cứu - và cho phép kiểm tra chéo thông tin từ nhiều nguồn khác nhau nhằm đảm bảo chất lượng của số liệu thu thập. Công cụ chủ yếu của nghiên cứu định tính là câu hỏi cho phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm. Câu hỏi phỏng vấn sâu gồm 6 nội dung: 1. Điều kiện của gia đình, dòng họ ảnh hưởng đến QHDTXQG; 2. Quan hệ về kinh tế; 3. Quan

hệ về xã hội; 4. Quan hệ về văn hóa; 5. Quan hệ liên quan đến môi trường; và 6. Quan hệ liên quan đến an ninh, quốc phòng, với tổng số 29 câu hỏi. Câu hỏi cho thảo luận nhóm gồm ba vấn đề, liên quan tới: 1. Mỗi quan tâm của người dân địa phương trong quan hệ với người nước ngoài; 2. Sự ảnh hưởng của quan hệ đó tới đời sống của người dân và địa phương; và 3. Làm thế nào để phát huy yếu tố tích cực và giảm thiểu yếu tố tiêu cực trong QHDTXQG.

### 3. Khung phân tích

Trên cơ sở tiếp cận và phương pháp nghiên cứu nêu trên, chúng tôi đã xây dựng khung phân tích QHDTXQG. Khung phân tích này được thể hiện trong sơ đồ sau:

Khung phân tích nêu trên được xây dựng cho nghiên cứu ở cả trong và ngoài nước. Khái niệm “biên giới” của khung phân tích rất linh hoạt, vừa thể hiện đường biên giới cứng - biên giới quốc gia, vừa là biểu trưng của các nguyên tắc, quy định trong quan hệ của Việt Nam với các nước không có chung đường biên. Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn lực nên trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi không có điều kiện khảo sát ở nước ngoài. Những nội dung liên quan đến QHDTXQG ở nước ngoài chỉ được thực hiện qua phỏng vấn công dân Việt Nam và qua tổng quan tài liệu. Chúng tôi hy vọng trong các nghiên cứu tiếp theo, sẽ có điều kiện thực hiện khảo sát ở ngoài Việt Nam.



### Thay lời kết

Cùng với việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và dưới tác động của toàn cầu hóa, QHDTXQG ở Việt Nam đã và đang ngày càng phát triển, tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta. Tuy nhiên, trong thời gian qua, do nhiều nguyên nhân, các nghiên cứu về QHDTXQG vẫn hạn chế. Bởi vậy, nghiên cứu về QHDTXQG của Viện Dân tộc học ở ba vùng: Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, với sự liên quan chặt chẽ đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia góp phần nhận diện thực trạng QHDTXQG, làm cơ sở khoa học cho chính sách phát triển và quản lý có hiệu quả mối quan hệ này.

Để việc nghiên cứu đạt kết quả tốt, ba đề tài cấp bộ về QHDTXQG của Viện Dân tộc học đã cùng xây dựng cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và khung phân tích. Đây là vấn đề rất quan trọng, không chỉ có ý nghĩa cho mỗi đề tài, mà qua đó còn đảm bảo tính thống nhất trong nghiên cứu. Mặt khác, khi mỗi đề tài triển khai nghiên cứu, sẽ bổ trợ thêm cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và điều chỉnh khung phân tích để phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn được khảo sát.

Đây có thể coi như sự gợi mở về cách thức nghiên cứu vấn đề QHDTXQG. Vai trò của cách thức đó sẽ được phản ánh trong kết quả nghiên cứu của các đề tài. Tuy nhiên, do bước đầu thực hiện nghiên cứu vẫn còn mới mẻ, nên chắc chắn cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và khung phân tích nêu trên sẽ còn những hạn chế. Chúng tôi hy vọng thời gian tới, các hạn chế này sẽ được bổ khuyết trong các nghiên cứu tiếp theo.

### Tài liệu tham khảo

1. Phan An và cộng sự (2005), *Hiện tượng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
2. Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2009), *Đường 9 - Cơ hội và thách thức*, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
3. Phan Xuân Biên (2011), *Tác động của quan hệ tộc người đối với sự phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta đến năm 2020*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước, Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh.
4. Bromley, J.V. (Chủ biên) (1973), *Các quá trình tộc người hiện đại ở Liên Xô*, Nxb Khoa học, Matxcova, bản dịch, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
5. Clad, James (2011), "Delineation and Borders in Southeast Asia," in: *The Borderlands of Southeast Asia: Geopolitics, Terrorism, and Globalization*, James Clad, Sean M. MacDonald, and Bruce Vaughn (eds.), NUD press, Washington DC, Pp. 1-22.
6. Davis, C. Bradley (2009), "Post - Taiping fallout: Nguyen-Qing collaboration in the pursuit of bandits on the border", in: *On the borders of state power: frontier in the Greater Mekong Sub-region*, Martine Gainsborough (ed.), Routledge, Abingdon, Pp. 25-34.
7. Bé Viêt Đăng (1988), "Các quá trình tộc người ở Việt Nam", *Tap chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 1-15.

8. Bế Viết Đăng và cộng sự (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Phan Hữu Dật (1998), *Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
10. Phan Hữu Dật (2004), *Góp phần nghiên cứu dân tộc học Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Phan Hữu Dật (Chủ biên) (2001), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Bùi Xuân Đính (2010), “Một số vấn đề về quan hệ dân tộc liên biên giới ở vùng Đông Bắc hiện nay” trong: Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh (2010), *Quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
13. Bùi Xuân Đính và Nguyễn Ngọc Thanh (2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Trương Minh Dục (2005), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Ngọc Thời Giai (2008), “Di cư của người Dao xuống biên giới Tây Nam Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á trong thời kỳ Minh, Thanh”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 59-68.
16. Zhao Ting Guang (Chủ biên) (1998), *Nghiên cứu các vấn đề dân tộc xuyên biên giới của Trung Quốc và Nghiên cứu vấn đề các dân tộc xuyên biên giới tỉnh Vân Nam*, Nxb Dân tộc Vân Nam, Vân Nam.
17. Phú Văn Hãn (2009), “Người Chăm ở Nam Bộ và quan hệ xuyên biên giới trong khu vực Đông Nam Á”, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2009*, Hà Nội.
18. Phạm Đăng Hiến (2008), *Quan hệ tộc người của người Lô Lô trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung hiện nay*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
19. Phạm Quang Hoan (2011), *Nghiên cứu về người Hmông ở vùng biên giới Việt - Lào*, Báo cáo đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
20. Phạm Quang Hoan, Hùng Đình Quý (Chủ biên) (1999), *Người Dao ở Hà Giang*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Houtum, Henk Van (2002), “An overview of European Geographical Research on Borders and Border Regions”, *Journal of Broadlands Studies*, Pp. 47-56.
22. Nguyễn Chí Huyền (Chủ biên) (2000), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
23. Nguyễn Văn Huy (1983), “Một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu sự hình thành cộng đồng nhân dân Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 3.

24. Kearney, Michael (2004), “The classifying and value-filtering missions of borders,” *Anthropological Theory*, No. 2, Vol. 4, Pp. 131-156.
25. Keyes, F. Charles (1999), “The Thái of Vietnam in Thai Thought”, in: *Reading Materials, Vietnamese - Thai Collaborative, Intensive Training Workshop on Research Methodology, Faculty of Social Sciences, Chiang Mai University, Sep. 20 - Nov. 7, 1999.*
26. Ngô Sở Khắc (2010), “Thực hiện chương trình hành động Hưng biên phú dân và vấn đề an ninh biên giới của Trung Quốc”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Các dân tộc thiểu số Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN hội nhập và phát triển*, Hà Nội, tháng 10/2010.
27. Li, Tana (1999), *Xứ Đàng trong*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
28. Đậu Tuấn Nam (2009), *Di dân tự do của người Hmông ở miền Tây Thanh Hóa và Nghệ An hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Nhân học Văn hóa, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
29. Newman, David and Anssi Paasi (1998), “Fences and neighbours in the postmodern world: boundary narratives in political geography”, *Progress in Human Geography*, Pp. 186-207.
30. Poisson, Emmanuel (2009), “Unhealthy air of the mountains: Kinh and ethnic minorities rule on the Sino-Vietnamese frontier from the fifteen to the twentieth century”, in: *On the borders of state power: frontier in the Greater Mekong Sub-region*, Martine Gainsborough (ed.), Routledge, Abingdon, Pp. 12-24.
31. Scott, C. James (2009), *The Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*, Yale University Press, New Haven & London.
32. Scott, W. James (2008), “Borders, Border Studies and EU Enlargement”, Report, University of Joensuu, Karelian Institute, Finland.
33. Chu Thái Sơn (1987), “Tăng cường yếu tố văn hoá quốc gia ở các vùng cao biên giới phía Bắc”, trong: Viện Dân tộc học, *Một số vấn đề kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. Lý Hành Sơn (2008), *Quan hệ dân tộc vùng biên giới Việt - Lào*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
35. Chu Kiên Tân (2010), “Phân tích đặc điểm môi trường văn hóa của nhóm dân tộc sống xuyên biên giới giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á đại lục”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Các dân tộc thiểu số Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN hội nhập và phát triển*, Hà Nội, tháng 10/2010.
36. Taylor, Philip (2008), “Minorities at Large: New Approaches to Minority Ethnicity in Vietnam”, *Journal Vietnamese Studies*, Vol. 3, Issue 3, Pp. 3-43, ISSN 1559-3738.
37. Hoàng Quang Thành (2007), “Di đồng văn hóa và sự tác động qua lại của một tộc người sống ở biên giới”, trong: Nhiều tác giả, *Những công trình nghiên cứu dân tộc*

học ở Vân Nam, Viện Văn hóa thông tin - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

38. Nguyễn Văn Thắng (2010), “Bản sắc của người Khơ-me ở khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 52-58.

39. Thôi Húc Thần (1992), *Cuộc đấu tranh giành giật “biên giới mềm”*, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội.

40. Vương Xuân Tình (2010), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung (Qua nghiên cứu về người Hà Nhì ở một làng của tỉnh Lào Cai, Việt Nam và một làng thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc)*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.

41. Vương Xuân Tình, Nguyễn Văn Minh (2009), *Quan hệ dân tộc ở vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam*, Báo cáo thường niên, Thư viện Viện Dân tộc học.

42. Vương Xuân Tình, Nguyễn Văn Minh (2010), *Quan hệ dân tộc ở vùng Tây Nguyên và Tây Nam Bộ Việt Nam*, Báo cáo thường niên, Thư viện Viện Dân tộc học.

43. Vương Xuân Tình (2012), “Một số vấn đề cơ bản về văn hóa trong phát triển bền vững ở các tỉnh biên giới Việt Nam”, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học.

44. Vương Xuân Tình (2014), “Nghiên cứu về quan hệ tộc người (từ năm 1980 đến nay)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 7-21.

45. Chăm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

46. Liu Ya và Shen Dan (Chủ biên) (1988), *Các dân tộc xuyên biên giới ở Vân Nam Trung Quốc và Đông Nam Á*, Nxb Nhân dân Vân Nam, Vân Nam.

47. Jin Chun Zi và Wang Jian Min (1994), *Các dân tộc xuyên biên giới Trung Quốc*, Nxb Dân tộc Trung Quốc.

48. Van Schedel, Willem (2002), “Geographies of knowing, geographies of Ignorance: Jumping Scale in Southeast Asia”, *Environment and Planning D: Society and Space*, Vol. 20, Pp. 647-668.